TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST.
Ngày 28 - 02 - 2025.
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và bà Nguyễn Thị Phương.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ dân phố TP, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ dân phố TP, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa vắng mặt bà S có đơn xin xử vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai, các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án bà Nguyễn Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đình C lấy nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/1999 tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An vì vợ chồng bà có thời gian tìm hiểu nhau được 04 tháng và cũng có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng bà chung sống cùng nhau tại xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam cho đến năm 2013 thì vợ chồng bà chuyển về sinh sống và làm ăn tại phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý. Quá trình chung sống, vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bà không hoà hợp được với nhau về cách sống, quan điểm sống cá nhân, cách làm ăn kinh tế nên cuộc sống chung của vợ chồng không có sự thương yêu, gắn kết với nhau. Mặc dù vậy vợ chồng bà vẫn duy trì mối quan hệ hôn nhân, do mất giấy chứng nhận kết hôn nên vợ chồng bà đăng ký kết hôn lại vào ngày 22/5/2024 tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên vợ chồng bà đã mâu thuẫn trầm trọng vào cuối tháng 5 năm 2024 đến nay nên vợ chồng bà đã sống ly thân nhau từ đó. Trong thời gian ly thân, vợ chồng bà không

quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa và chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó và bà đã làm đơn xin giải quyết ly hôn. Đến nay, bà xác định tình cảm dành cho ông C không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình C.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 15/10/2000 (con gái) đã trưởng thành nên bà không đề nghị giải quyết và cháu Nguyễn Đình B.A, sinh ngày 08/6/2007 (con trai) do bà đang nuôi dưỡng. Do vậy, khi vợ chồng bà ly hôn thì bà xin được nuôi con chung Nguyễn Đình B.A và bà không đề nghị ông Nguyễn Đình C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con nuôi, con riêng: Bà Nguyễn Thị S xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng bà không có nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Đình C đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần, nhưng ông C không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Do vậy, không có quan điểm của ông Nguyễn Đình C.

* Nguyện vọng của cháu Nguyễn Đình B.A: Cháu đang học lớp 12A7, trường Trung học phổ thông B Phủ Lý và mẹ cháu đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Khi bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ cháu.

* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân phường CS: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng bà S, ông C theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể bị đơn không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải, tại các phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

- Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đình C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình B.A cho bà Nguyễn Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Nguyễn Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Đình C có nơi cư trú tại địa chỉ tổ dân phố TP, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam**.** Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "kiện ly hôn, nuôi con chung" giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đình C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Đình C vắng mặt không có lý do nhưng trước đó ông C đã vắng mặt tại phiên toà ngày 10/02/2025 nên việc xét xử vắng mặt bà S, ông C được thực hiện theo quy định tại các Điều 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đình C lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/1999 và đăng ký kết hôn lại vào ngày 22/5/2024 tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An là hoàn toàn tự nguyện nên đã thỏa mãn với điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà cũng có khoảng thời gian chung sống hơn 20 năm đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ quá trình chung sống hai bên không phù hợp với nhau do bất đồng về quan điểm sống, cách sống dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024, hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông C nhiều lần để tham gia các buổi làm việc, các phiên họp hoà giải tại Tòa án nhưng ông C đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Về phía bà S vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông C. Điều đó, chứng tỏ cả bà S, ông C đều không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị S là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu U, sinh ngày 15/10/2000 (con gái) đã trưởng thành và cháu Nguyễn Đình B.A, sinh ngày 08/6/2007 (con trai). Xét quan điểm, nguyện vọng của bà S: Cháu U đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu giải quyết, còn cháu A đang ở ổn định cùng bà nên

cần giao cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đình B.A là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà S không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con nuôi, con riêng: Bà S xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà S xác định không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Bà S phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà S, ông C thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đình C.

[2] Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Đình B.A, sinh ngày 08/6/2007 (con trai), cho đến khi cháu Nguyễn Đình B.A trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nguyễn Thị S.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải nộp là 300.000đ, được đối trừ với 300.000đ mà bà S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000485 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bà Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà S, ông C đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (ĐKKH ngày 22/5/2024);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuyên